|  |  |
| --- | --- |
| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ\_\_\_\_\_\_\_\_Số: /2021/QĐ-TTg | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.*

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

**2.** **Đối tượng áp dụng**

a) Hộ gia đình;

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia trực tiếp hoặc liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

**Điều 2.** **Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo là hộ gia đình qua rà soát đáp ứng chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận;

2. Hộ thoát nghèo là hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo do địa phương quản lý, qua rà soát hằng năm được xác định vượt chuẩn hộ nghèo theo quy định và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận là hộ thoát nghèo;

3. Hộ thoát cận nghèo là hộ gia đình thuộc danh sách hộ cận nghèo do địa phương quản lý, qua rà soát hằng năm được xác định vượt chuẩn hộ cận nghèo theo quy định và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận là hộ thoát cận nghèo;

4. Hộ nghèo phát sinh, hộ cận nghèo phát sinh là hộ gia đình không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn nhưng phát sinh khó khăn đột xuất trong năm, qua rà soát đáp ứng chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận;

5. Hộ tái nghèo, hộ tái cận nghèo là hộ gia đình đã được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo nhưng do phát sinh khó khăn đột xuất, qua rà soát đáp ứng chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận là hộ nghèo, hộ cận nghèo;

6. Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là hộ nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ là người đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội hằng tháng và các thành viên khác trong hộ không có khả năng lao động;

7. Hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công là hộ nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ là người đang hưởng chính sách ưu đãi người có công hằng tháng;

8. Hộ nghèo dân tộc thiểu số là hộ nghèo có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ thuộc một trong các nhóm đồng bào dân tộc thiểu số.

**Điều 3. Phương pháp rà soát, xác định**

1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy trình.

2. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp nhận dạng đặc điểm hộ gia đình để xác định thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình theo quy trình.

**Điều 4. Thời gian rà soát**

1. Thời gian rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm thực hiện từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 15 tháng 12 của năm.

2. Thời gian rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên thực hiện tại thời điểm Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được giấy đề nghị bổ sung vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc đề nghị thoát nghèo, thoát cận nghèo của hộ gia đình.

3. Thời gian xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình thực hiện tại thời điểm Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được giấy đề nghị xác định hộ có mức sống trung bình của hộ gia đình, làm căn cứ xác định đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

**Điều 5. Quy trình rà soát định kỳ hằng năm**

1. Lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát

Trưởng thôn, bản, tổ dân phố (viết tắt là trưởng thôn) chủ trì, phối hợp với rà soát viên và đại diện Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã (viết tắt là Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã) lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này, bao gồm:

a) Hộ gia đình thuộc Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm rà soát;

b) Hộ gia đình đăng ký rà soát;

c) Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn;

d) Hộ gia đình đăng ký thoát nghèo, thoát cận nghèo.

2. Tổ chức rà soát, lập Danh sách phân loại hộ gia đình

a) Rà soát viên sử dụng Phiếu A theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình cần rà soát (danh sách đã lập theo quy định điểm b và điểm c khoản 1 Điều này) và lập Danh sách rà soát lần 01 theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Quyết định này để thu thập thông tin, chấm điểm hộ gia đình thuộc Danh sách rà soát lần 01 và Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm rà soát (bao gồm danh sách đã lập theo quy định điểm a và điểm d khoản 1 Điều này);

c) Căn cứ kết quả rà soát theo phiếu B, rà soát viên lập Danh sách rà soát lần 02 theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Quyết định này để phân loại hộ gia đình, gồm: Danh sách hộ gia đình có khả năng nghèo, cận nghèo và Danh sách hộ gia đình có khả năng thoát nghèo, thoát cận nghèo.

3. Họp lấy ý kiến nhân dân về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Thành phần cuộc họp: Trưởng thôn (chủ trì cuộc họp), đại diện Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã; đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể, rà soát viên, đại diện trên 50% hộ gia đình có tên trong Danh sách rà soát lần 02 và một số hộ gia đình khác; mời đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì công tác giám sát;

b) Nội dung: Lấy ý kiến về kết quả rà soát;

c) Kết quả cuộc họp lập thành 02 biên bản (01 bản được lưu tại thôn và 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã) theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Quyết định này và Danh sách rà soát lần 03 theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Niêm yết, thông báo công khai Danh sách rà soát lần 03:

a) Niêm yết công khai tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc;

b) Trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã có trách nhiệm phúc tra lại kết quả rà soát trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại;

c) Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, hoàn thiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã dự thảo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và dự thảo Danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo.

5. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (kèm theo dự thảo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và Danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo);

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có ý kiến trả lời bằng văn bản.

6. Phê duyệt Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và Danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định phê duyệt Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và Danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc Giấy chứng nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Quyết định này.

Khi cấp Giấy chứng nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải thu hồi Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo đã cấp cho hộ gia đình;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả phê duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn.

7. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo ở cấp huyện và cấp tỉnh

a) Căn cứ văn bản báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả phê duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, phê duyệt kết quả chung trên toàn địa bàn và có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Căn cứ văn bản báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả phê duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt kết quả chung trên toàn địa bàn và báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 6. Quy trình rà soát thường xuyên**

1. Hộ gia đình có Giấy đề nghị bổ sung vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc Giấy đề nghị ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Quyết định này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận Giấy đề nghị của hộ gia đình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức rà soát, thẩm định theo quy định tại Điều 6 Quyết định này; xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc Giấy chứng nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo. Trường hợp hộ gia đình không đủ điều kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**Điều 7. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình**

1. Hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp đăng ký tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế có Giấy đề nghị xác định hộ có mức sống trung bình theo Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Quyết định này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận Giấy đề nghị của hộ gia đình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức rà soát thu nhập hộ gia đình bằng phương pháp nhận dạng đặc điểm hộ gia đình để xác định thu nhập bình quân đầu người của hộ theo Phụ lục số 11 kèm theo Quyết định này. Trên cơ sở kết quả xác định thu nhập hộ gia đình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, xác nhận hộ có mức sống trung bình được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế. Trường hợp hộ gia đình không đủ điều kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**Điều 8. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí tổ chức thực hiện Quyết định này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 9.** **Trách nhiệm của các Bộ, ngành ở Trung ương**

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chỉ đạo, tập huấn, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

b) Tổng hợp, công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên toàn quốc.

c) Xây dựng ứng dụng phần mềm để rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; lập bản đồ nghèo, hỗ trợ người nghèo kết nối với thị trường; tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao cho các địa phương thực hiện.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch, bảo đảm kinh phí thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình.

3. Các Bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Quyết định này.

4. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các thành viên tham gia và giám sát chặt chẽ tất cả quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

**Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Trưởng ban; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Phó Trưởng ban; các thành viên là lãnh đạo các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Giáo dục, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thống kê và cơ quan, đơn vị liên quan. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh thành lập Ban Giám sát.

Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức rà soát; thống nhất mẫu biểu thực hiện trên địa bàn;

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho cấp huyện;

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định;

b) Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại;

c) Tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn; báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, công nhận;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Trưởng ban; Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm Phó Trưởng ban; các thành viên là lãnh đạo các phòng, bộ phận: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Giáo dục, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan Thống kê và cơ quan, đơn vị liên quan. Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện thành lập Tiểu ban Giám sát.

Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng, ban hành kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn;

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp tham gia rà soát và các giám sát viên (tổ chức tập trung theo đơn vị hành chính với huyện có ít xã, hoặc theo cụm xã nếu huyện có nhiều xã);

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định;

b) Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại;

c) Hằng tháng tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào phần mềm quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng ban; cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế, Giáo dục, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan thống kê cùng cấp và các trưởng thôn trên địa bàn làm thành viên. Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thành lập Tổ giám sát.

Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã thực hiện nhiệm vụ:

- Xây dựng, ban hành kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn;

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên các phương tiện truyền thông; khuyến khích các hộ gia đình chủ động đăng ký tham gia;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và Danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;

c) Hằng tháng, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát, phê duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

d) Cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hằng năm; theo dõi, cập nhật bổ sung thông tin đặc điểm của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào phần mềm quản lý khi phát sinh những thay đổi.

**Điều 11. Chế độ báo cáo và hệ thống mẫu, biểu báo cáo**

1. Hệ thống mẫu, biểu báo cáo chi tiết theo Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Chế độ báo cáo

a) Hằng quý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo thường xuyên trên địa bàn;

b) Trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo Hệ thống mẫu, biểu báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 12.** **Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng  TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu VT, KGVX (2b).  | **THỦ TƯỚNG** **[daky]****Nguyễn Xuân Phúc** |
|  |  |